

Biên soạn:

Nguyễn Quốc Tín - Nguyễn Huy Thắng - Nguyễn Như Mai

THỜI CẬN ĐẠI

Đông Tây đối đầu



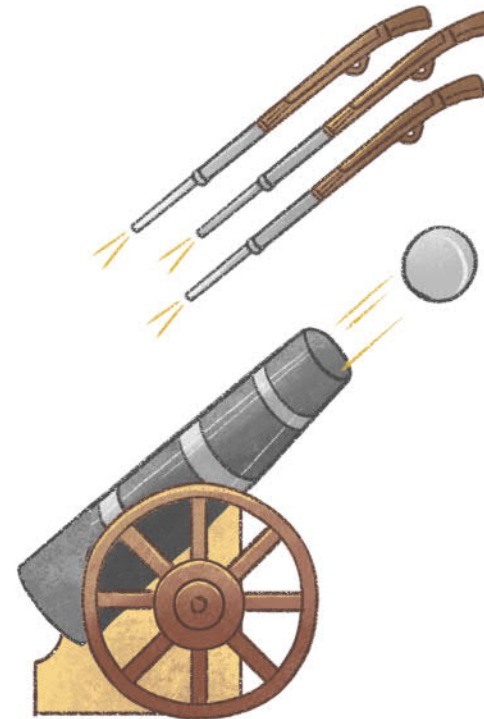
[Dành cho học sinh tiểu học]

NHÀ XUẤT BẢN KIM ĐỒNG

CUỘC ĐỘ SÚNG ĐẦU TIÊN

Chiều 31-8-1858, một hạm đội tàu chiến Tây dương dàn hàng lưng lững tiến vào bán đảo Sơn Trà (Đà Nẵng). Tinh mơ hôm sau, họ cử sứ giả nhân danh Liên quân Pháp - Tây Ban Nha tới dinh Trấn thủ, đưa tối hậu thư. Viện có triều đình nhà Nguyễn cấm đạo, ngược đãi giáo sĩ, họ đòi trong vòng hai tiếng đồng hồ quan Trấn thủ Đà Nẵng phải giao nộp tỉnh thành!

Trấn thủ Trần Hoàng hoảng hốt, vội cấp báo về triều đình Huế. Nhưng



không đợi trả lời, “liên quân” đã phát lệnh khai hỏa. Trời vừa rạng sáng, cả bán đảo rung lên bởi những tiếng nổ kinh thiên động địa của đại bác từ ngoài biển rót vào.

Phó đô đốc Pháp R. De Genouilly chỉ huy 14 tàu chiến cập bến Đà Nẵng, đã mở đầu cuộc chiến tranh xâm lược của thực dân Pháp vào nước ta theo cách đó!

Chúng chọn Đà Nẵng vì đây là vị trí quân sự quan trọng, có bến cảng rộng và sâu, lại gần kinh thành (chỉ cách Huế 100 km). Chiếm được nơi này, chúng sẽ dễ dàng tiến thẳng vào Huế, mau chóng bắt triều đình nhà Nguyễn phải hàng phục.

Cuộc chiến diễn ra rất quyết liệt. Tuy nhiên, do vũ khí lạc hậu lại không được luyện tập thường xuyên, quân ta đã không ngăn được 3.000 lính Pháp và 500 lính Tây Ban Nha ào ạt đổ bộ lên đảo. Chiều ngày 1-9 đội quân xâm lược gần như làm chủ toàn bộ các đồn trại ở khu vực Đà Nẵng. Thương vong của ta khoảng 1.000 người.

Nghe tin, vua Tự Đức cách chức Trấn thủ Trần Hoàng, tăng quân số và vũ khí, cử Nguyễn Tri Phương làm Tổng thống quân vụ với lời dặn dò “thủ chứ không công”. Vị danh tướng họ Nguyễn lập tức huy động quân dân đắp lũy, đào hào, cắm chông để ngăn chặn địch vào sâu trong đất liền. Một trường thành kiên cố dài 4 km, từ Hải Châu đến Thạch Giản đã được dựng lên. Lệnh “vườn không nhà trống” cũng được thi hành triệt để, không cho quân địch bắt lính, thu lương. Vì thế, suốt sáu tháng liền đội quân xâm lược chỉ giẫm chân tại chỗ. Khó khăn của chúng ngày một tăng, lương thực thiếu, bệnh dịch bùng phát. De Genouilly phải thông báo về Pháp: “Chúng tôi

đang kiệt quệ ở Đà Nẵng. Mọi phương tiện cung cấp cho bộ binh và hải quân đã hết sạch.”

Vậy là, trong cuộc đụng độ lịch sử đầu tiên với các thế lực phương Tây, quân dân ta đã làm thất bại cuộc hành quân “tốc chiến tốc thắng” của địch trên đất nước ta!

Để gỡ thế bí, De Genouilly quyết định thay đổi chiến trường. Với con mắt cáo già, y nhận thấy Gia Định nằm trên một con sông lớn, tàu chiến dễ vào sâu trong đất liền, lại là vựa thóc cung cấp cho Phú Xuân. Đánh Gia Định sẽ cắt được nguồn lương thực của triều đình nhà Nguyễn... Vì thế, ngày 2-2-1859 Genouilly đưa hạm đội liên quân tiến xuống phương Nam.

Tại Đà Nẵng phần lớn quân địch đã rút, mang theo hầu hết vũ khí, chỉ còn một đại đội và vài chiếc tàu chiến cũ. Trong khi đó, quân ta đông gấp bội, lại hùng hực khí thế. Thế nhưng Nguyễn Tri Phương đã không nhân cơ hội đuổi giặc ra khỏi bờ cõi. Vì sao vậy? Xuất thân là một nhà Nho, vị lão tướng đã trung thành với lệnh vua “thủ chứ không công”. Hằng ngày, thị sát mặt trận, ông vẫn phải nghiêng rặng, nén giận khi ra lệnh cho cấp dưới án binh bất động. Có thể ông không nghe được chính lời De Genouilly nói với thủ hạ: “Nếu tấn công mạnh, họ đã đánh bại chúng ta từ lâu rồi.” Nhưng cùng là tướng đánh trận, ông quá biết thế và lực của quân ta đang hơn hẳn như thế nào...

Cơ hội qua đi. Đến tháng 10 năm 1859 thì quân Pháp được tăng cường. Chúng tấn công lên đèo Hải Vân. Quân ta đáp trả quyết liệt bằng đạn sắt, bẫy đá, làm hơn 300 lính địch chết

và bị thương. Dù chỉ “thủ chứ không công”, họ đã làm cho quân xâm lược hiểu rằng, việc chiếm đóng Đà Nẵng không lay chuyển được quyết tâm chiến đấu của dân ta.

Tháng 3-1860, liên quân đốt trại, rút về Gia Định sau 1 năm 6 tháng 22 ngày chiếm đóng.

NGHĨA DŨNG SĨ PHU

Hoàng giáp Phạm Văn Nghị đang ốm thì nghe tin tàu chiến Pháp nổ súng đánh vào bán đảo Sơn Trà, Đà Nẵng. Ông bưng bưng nổi giận. Vị Hoàng giáp đã 53 tuổi viết “Trà Sơn kháng sớ” (Sớ kháng nghị việc Sơn Trà) gửi lên vua Tự Đức. Mặc dù đang giữ chức Đốc học Nam Định, ông giao lại việc cho Tiến sĩ Doãn Khuê, rồi cùng với học trò và một số sĩ phu yêu nước ở Nam Định, lập ngay một đội quân nghĩa dũng đi bộ vào Đà Nẵng để chống giặc. Đoàn quân 365 người đi mất 26 ngày, đến nơi thì Pháp đã rút. Họ xin vua tiếp tục vào Gia Định tham gia đánh Pháp nhưng triều đình bắt họ phải trở về Bắc.

MIỀN ĐÔNG THẮT THỦ



Ngày 11-2-1859, đoàn tàu chiến Pháp đi từ Vũng Tàu vào sông Cần Giờ. Vừa đi, chúng vừa triệt phá 12 đồn trại của quân triều đình ở hai bên bờ. Tại ụ Hữu Bình, cuộc đấu pháo đã diễn ra dữ dội suốt ngày đêm. Sau sáu ngày, chúng mới tới được thành Gia Định.

Pháo trên thành bắn như mưa xuống tàu địch nhưng không hiệu quả. Từ cửa Đông, quân Pháp dùng thang leo vào thành, đánh giáp lá cà với quân ta. Trấn thủ Vũ Duy Ninh ra sức đốc thúc quan quân chống giữ.

Nhưng trước sức mạnh áp đảo của giặc, quân ta phải vừa đánh vừa rút lui. Bản thân quan Trấn thủ cũng bị trọng thương. Được quân nhà công đưa đi thoát khỏi trận chiến, đến khi tỉnh lại thì được hay tin dữ: thành Gia Định đã bị giặc chiếm. Vũ Duy Ninh liền rút gươm tự vẫn, trở thành vị võ quan cao cấp đầu tiên của triều đình tuẫn tiết trong cuộc chiến chống quân xâm lược Pháp.

Bị các đội nghĩa quân ngày đêm đánh tía, De Genouilly quyết định phá hủy thành Gia Định, rút xuống đồn trú trong các tàu chiến để tránh bị tập kích. Tháng 3-1860 được tăng viện số quân rút từ Đà Nẵng vào, quân Pháp đánh ra các vùng xung quanh. Vua Tự Đức lại điều Nguyễn Tri Phương làm Tổng thống quân vụ ở quân thứ Gia Định. Ông gấp rút cho xây dựng Đại đồn Kỳ Hòa⁽¹⁾ – đồn binh lớn nhất và kiên cố nhất hồi ấy – để chặn địch đánh sâu vào nội địa. Nhưng bị ràng buộc bởi lệnh từ triều đình, quân ta không chủ động tấn công. Quân số địch chưa đến một nghìn tên, trải ra trên một chiến tuyến dài tới 10 km mà vẫn “yên ổn” ngay bên cạnh mười nghìn đến mười hai nghìn quân ta trong tư thế “thủ hiểm”! Lệnh vua đã ban, không được đánh, chờ địch “chán tất sẽ rút” (?!).

Năm 1861, Pháp kéo toàn bộ lực lượng hải quân ở Viễn Đông về Gia Định. Đạo quân xâm lược giờ đã có tới 5.000 lính, gần 500 khẩu đại bác, 148 chiến thuyền các loại. Với ưu thế vượt trội, chúng quyết tâm lấn đất. Tại Đại đồn Kỳ Hòa, quân triều đình chiến đấu quyết liệt trong suốt hai ngày 23 và 24 tháng 2 năm 1861. Tuy nhiên, càng đánh quân ta càng bất lợi

trước vũ khí hiện đại của địch. Nguyễn Tri Phương bị thương phải đưa ra Phan Rí chữa trị, em ông là Tán lý quân vụ Nguyễn Duy tử trận.

Thừa thắng, quân Pháp chiếm luôn Định Tường (12-4-1861), Biên Hòa (18-12-1861), Vĩnh Long (23-3-1862). Như vậy, chỉ trong vòng hơn một năm, liên quân Pháp - Tây Ban Nha đã chiếm xong bốn tỉnh đầu tiên của Nam Kỳ. Đây chính là “con bài” mà chúng sẽ dùng để mặc cả với triều đình nhà Nguyễn.

Tuy hạ được thành Gia Định và chiếm được cả một vùng đất Đông Nam Bộ, địch phải đối phó với những đạo quân “ứng nghĩa” nổi lên ở khắp nơi. Nghĩa quân của Trương Định, Trần Thiện Chính, Lê Huy... chiến đấu rất anh dũng, đêm ngày phục kích, bao vây chúng. Nhân dân không hợp tác với Pháp, thậm chí tự thiêu hủy nhà cửa, bỏ đi. Trong một bản báo cáo gửi cấp trên, De Genouilly đã viết: *“Phải thừa nhận rằng cuộc chiến tranh với nước này còn khó hơn cuộc chiến tranh với vương quốc Trung Hoa.”*

Nhưng khi quân giặc đang bối rối thì triều đình Huế chủ động đề nghị giải hòa với Pháp và kí với họ Hiệp ước Nhâm Tuất (5-6-1862).

⁽¹⁾ Còn được gọi là Đại đồn Chí Hòa, hay gọi tắt là Đại đồn.

NGHĨA KHÍ NGƯỜI MIỀN ĐÔNG

Nguyễn Đình Chiểu sinh năm 1822 trong một gia đình nhà Nho nghèo ở Tân Thới (Gia Định). Sau khi đỗ tú tài, ông ra Thừa Thiên thi Hội thì được tin mẹ mất. Ông bỏ thi, về chịu tang. Quá thương khóc mẹ, ông bị mù, từ đó ở nhà dạy học và bốc thuốc.

Năm 1859, thành Gia Định thất thủ, Nguyễn Đình Chiểu đưa gia đình về Thanh Ba (Cần Giuộc), quê vợ ông. Năm 1862, triều đình kí Hòa ước Nhâm Tuất, để mất ba tỉnh miền Đông về tay Pháp. Nguyễn Đình Chiểu lại cùng gia đình rời về Ba Tri (Bến Tre), vì không chịu sống chung với giặc. Ông tiếp tục dạy học, làm thuốc và dùng ngòi bút để phục vụ cuộc kháng chiến của quân dân Nam Bộ.

Đau đớn trước những gì quân Pháp gây nên cho đồng bào mình, và cũng để thể hiện nỗi thất vọng trước sự bạc nhược của triều đình, ông đã làm bài thơ *Chạy giặc*:

*Tan chợ vừa nghe tiếng súng Tây,
Một bàn cờ thế phút sa tay.
Bỏ nhà lũ trẻ lơ xơ chạy,
Mất ổ bầy chim dáo dác bay.
Bến Nghé của tiền tan bọt nước,
Đồng Nai tranh ngói nhuộm màu mây.
Hỏi trang dẹp loạn rày đâu vắng,
Nỡ để dân đen mắc nạn này?*

HÒA ƯỚC NHÂM TUẤT (1862)



Tin khắp nơi dồn dập đưa về triều đình Huế: Pháp chiếm xong ba tỉnh miền Đông, hiện đương uy hiếp các tỉnh miền Tây. Khắp nơi, cuộc kháng chiến của nghĩa quân chống xâm lăng bùng phát mãnh liệt. Cùng lúc ấy, tại miền Bắc và miền Trung, những cuộc bạo động của nhân dân chống triều đình cũng xảy ra liên tục. Lớn nhất là sự nổi dậy của Tạ Văn Phụng, lôi kéo rất nhiều người. Triều đình vô cùng bối rối.

Giữa hai việc ấy, việc nào cần giải quyết trước,

MỤC LỤC

Lời nói đầu.....	3
Lời người biên soạn.....	5
Cuộc đọ súng đầu tiên.....	7
Miền Đông thất thủ.....	11
Hòa ước Nhâm Tuất (1862).....	15
Đại nguyên soái dân phong.....	19
Đi sứ đến Tây kinh.....	23
Loạn giữa kinh thành.....	27
Bi kịch Phan Thanh Giản.....	31
Ngọn lửa hồng Nhật Tảo.....	35
“Trống đánh cờ xiêu”.....	39
Cái chết của quan ba Ngạc Nhi.....	43
Hòa ước hay hàng ước?.....	47
Ông vua ba ngày.....	51
Vua Hiệp Hòa bị bức tử.....	55
Vua Kiến Phúc chết bí ẩn.....	59
Hàm Nghi bắt khuất.....	63
Khắp nước Cần Vương.....	67
Vũ Quang - Ngàn Trươi, nơi chôn vùi giặc Pháp.....	71
Ba Đình - chiến khu oanh liệt.....	75

“Vua Bãi Sậy”.....	79
Cũng gọi là vua.....	83
Ông vua giả điên.....	87
Từ “cầu viện” chuyển sang “cầu học”.....	91
Đông Kinh nghĩa thực, đuốc sáng mở đường.....	95
Hùm thiêng Yên Thế.....	99
Theo bước chân cha.....	103
Sáu ngày Đại Hùng Đế quốc.....	107
Vụ án Phan Bội Châu.....	111
“Khai dân trí, chấn dân khí, hậu dân sinh”.....	115
Nguyễn Văn Vĩnh tìm đường khai sáng.....	119
Cô Giang và khẩu súng lục đính hôn.....	123
<i>Đường khách mệnh</i>	127
Niên biểu.....	131
Tài liệu tham khảo.....	137